

HỘI THẢO QUỐC TẾ

NHẬN THỨC LẠI VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG KỶ NGUYÊN TOÀN CẦU

VỀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG GIAI ĐOẠN TOÀN CẦU HOÁ HIỆN NAY

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN (*)

Trong giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay, cái giúp cho con người vượt qua những khó khăn, thử thách, giải thoát con người khỏi những thách đố và vướng mắc của cuộc sống, đáp ứng nhu cầu thường nhật và lâu dài của nhân loại không chỉ là kinh tế, kỹ thuật hiện đại và công nghệ cao, mà còn là triết học. Triết học giúp cho con người tìm ra lời giải không chỉ cho những thách đố muốn thuở, mà còn cho những vấn đề hoàn toàn mới do quá trình toàn cầu hoá đặt ra. Triết học không chỉ giúp con người nhận thức rõ địa vị của mình, lối sống xứng đáng với con người, mà còn giúp họ xác định mục tiêu và lý tưởng sống để từ đó, góp phần biến đổi hiện thực nhằm phục vụ cho chính mình. Không chỉ thế, trong giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay, triết học còn giúp cho con người có được sự định hướng đúng đắn trong hành động và củng cố quyết tâm hành động, đánh giá đúng những biến động đang diễn ra, gợi mở cách đi, hướng giải quyết các vấn đề mà cuộc sống đang đặt ra. Trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, triết học cũng đang thực hiện chính những vai trò to lớn đó.

Nhân loại đang chứng kiến những biến động to lớn, phức tạp và có tác động sâu sắc, nhiều mặt không chỉ đến con người và xã hội, mà còn đến cả giới tự nhiên. Các sự biến trong xã hội dồn dập xảy ra làm cho có những cái tưởng như hết sức vững chắc bỗng đột ngột sụp đổ; cái mới có khi chưa kịp phát huy tác dụng, thậm chí chưa định hình rõ rệt, thì lại đã có những cái mới hơn nảy sinh bổ sung hoặc chực chờ để thay thế.

Cùng với những biến động đó, sự tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu, các thành tựu tuyệt vời của khoa học và công nghệ trong kỷ nguyên toàn cầu hoá đang tạo nên những bước tiến mới trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống đương đại, đang tác động mạnh đến tất cả các nền văn hoá dân tộc và đến văn minh nhân loại nói chung. Công nghệ thông tin, các phương tiện liên lạc và giao

thông hiện đại cực kỳ thuận lợi và hiệu quả dường như đang thu nhỏ trái đất lại và biến nó thành “ngôi làng toàn cầu”. Trong một bối cảnh như vậy đã có người nghĩ rằng, trong giai đoạn hiện nay, chỉ có kinh tế, kỹ thuật hiện đại và công nghệ cao mới có thể là cứu cánh giúp cho con người vượt qua những khó khăn, giải thoát con người khỏi những thách đố và vướng mắc của cuộc sống, mới có thể đáp ứng được cả các nhu cầu thường nhật lẫn lâu dài của nhân loại, còn triết học có lẽ đã hết thời(!).

Phải chăng đúng là như vậy?

Mọi người đều hiểu rằng, sẽ không thể có toàn cầu hoá hiện nay, trước hết là toàn cầu hoá về kinh tế, còn bộ mặt của thế giới cùng với đời sống của từng cá nhân cũng sẽ rất khác nếu như không có kỹ thuật hiện đại và công nghệ cao. Song, nếu tỉnh táo

(*) Giáo sư, tiến sĩ.

mà xem xét thì chúng ta sẽ thấy nhận định trên là khá hơi hợt và nông cạn. Rất dễ dàng nhận ra rằng, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá hiện nay, các thành tựu to lớn mà nhân loại đạt được trong nhiều lĩnh vực khác nhau, nhất là trong khoa học và công nghệ, trong kinh tế, một mặt, là những động lực cơ bản và quan trọng thúc đẩy xã hội phát triển nhanh hơn, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau hơn, làm tăng khả năng khám phá và khai thác giới tự nhiên của con người. Song, mặt khác, chính con người và xã hội lại cũng đứng trước những sự bất thường, những mối đe dọa và những rủi ro khó lường do hậu quả của việc chiếm dụng, sử dụng và nhất là sự lạm dụng những thành tựu ấy của con người. Toàn cầu hoá, một mặt, là thắng lợi cực kỳ to lớn, không thể chối bỏ của khoa học và công nghệ, của sự phát triển kinh tế; mặt khác, chính nó cũng góp phần huỷ hoại nặng nề đối với thiên nhiên và ẩn chứa đầy nguy cơ đối với con người.

Dựa vào những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ, xuất phát từ thực tế cuộc sống đương đại, con người đã có thể tự giải đáp được rất nhiều vấn đề mà họ quan tâm. Song, đúng như Ph.Bêcơn (1561-1626) đã từng nhận xét, những điều mà con người đã biết được chưa thấm vào đâu so với những điều mà con người còn chưa biết. Vì vậy, con người vẫn vừa phải tiếp tục tìm kiếm lời giải cho những thách thức muôn thuở, vừa phải trả lời cho những câu hỏi hoàn toàn mới do quá trình toàn cầu hoá đặt ra. Đó là những câu hỏi đại loại như: thế giới này là gì? Vị trí của con người trong thế giới đó ra sao? Ý nghĩa của cuộc sống con người trong thế giới đầy tính cạnh tranh và rủi ro này là gì? Số phận con người do ai quyết định? Con người có thể tránh được những tai hoạ thảm khốc do thiên nhiên đang bị chính con người tàn phá nặng nề gây ra hay không? Liệu mỗi

con người và các dân tộc có thể làm chủ được vận mệnh của mình trong điều kiện toàn cầu hoá khi các nước phụ thuộc lẫn nhau ngày càng chặt chẽ hơn hay không? Hạnh phúc trong thế giới đầy bất ổn này là gì? Tại sao có nước quá giàu và có người lại quá nghèo? Có thể xoá bỏ được sự bất công và thiết lập được sự công bằng xã hội và công lý có thể thực thi hay không? Cuộc sống của con người trong tương lai sẽ như thế nào? Bằng cách nào để có thể ngăn chặn được các loại bệnh lây lan rất nhanh trong kỷ nguyên toàn cầu hoá? Có phải cái ác đã cắm rễ sâu trong con người không và có thể chế ngự được cái ác không? Làm sao để lòng khoan dung có thể ngự trị được trong con người nhằm góp phần ngăn chặn hoặc giảm bớt cảnh tàn sát lẫn nhau vẫn đang diễn ra trên trái đất? Con người được tự do đến đâu và có trách nhiệm đối với xã hội và đối với đồng loại ra sao cả về mặt luật pháp lẫn về mặt đạo đức? Trong điều kiện toàn cầu hoá hiện nay liệu có thể đạt được sự tăng trưởng kinh tế và sự phát triển khoa học và công nghệ mà không làm tổn hại đến con người, đến xã hội và đến giới tự nhiên hay không? Làm sao và bằng cách nào để các nước kém phát triển như nước ta có thể tránh được nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, ổn định được xã hội để phát triển, để đuổi kịp các nước khác? Làm sao để sử dụng được một cách tốt nhất các nguồn lực, các lợi thế mà toàn cầu hoá tạo ra cho các nước đi sau? Bằng cách nào chúng ta có thể tạo được các động lực cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên toàn cầu hoá mà không làm mất đi các giá trị dân tộc đã được các thế hệ trước tạo dựng nên?, v.v..

Rõ ràng là, nếu đứng về mặt xã hội mà xét thì đang tồn tại những nghịch lý mà mọi người rất dễ nhận ra nhưng lại không dễ gì đưa ra các giải pháp hoặc phương hướng giải quyết. Cụ thể là, trong lúc thế

giới ngày càng giàu lên nhanh chóng nếu tính về tổng số sản phẩm và giá trị của cải làm ra được và tích lũy được; xã hội có thêm sức mạnh vật chất và nhất là một khối lượng khổng lồ những tri thức mới, thì lại cũng chính là lúc có rất nhiều nước vẫn chưa thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển; có nhiều người không chỉ ở các nước kém phát triển, mà cả ở những nước giàu, thậm chí là nước giàu nhất thế giới, ít có cơ hội được tiếp cận với các dịch vụ xã hội bình thường nhất, vẫn đang sống trong cảnh nghèo khó, đói hoặc thiếu ăn. Chẳng hạn, theo một công trình nghiên cứu, năm 2005, ở nước Mỹ, có 33 triệu người, tức là gần 10% số gia đình, trong đó có 13 triệu trẻ em, đang bị đói hay gần với cái đói. Nếu tính số chịu đói thường xuyên cũng ở nước Mỹ thì con số đó là 3,1% số gia đình với 8,5 triệu người, trong đó có 2,9 triệu trẻ em(1). Một nửa dân số thế giới, tức là gần 3 tỉ người, thu nhập không quá 2 đôla/ngày và 1,2 tỉ người đang phải sống dưới mức 1 đôla/ngày. Tình trạng này xảy ra là do 82% tổng thu nhập toàn thế giới thuộc về 20% những người giàu nhất, trong khi 20% số người nghèo nhất chỉ chiếm có 1,4% tổng số thu nhập đó.

Như vậy, ngay trong thời đại chúng ta, nếu nói theo cách nói của C.Mác, thì của cải và sự giàu có vẫn đang tiếp tục tập trung về một phía, còn sự nghèo khó lại đang tập trung dồn vào một phía khác. Tính chung toàn thế giới, khoảng cách giàu nghèo hiện nay của 20% số người giàu nhất và 20% số người nghèo nhất đã gấp tới hơn 70 lần(2).

Nhân loại đang phải chứng kiến một nghịch lý khác. Đó là, một mặt, thế giới vừa ra sức xây dựng và thực thi những chương trình xoá bỏ đói nghèo cho nhiều nước kém phát triển và đang phát triển; mặt khác, song song với việc làm đó, các nước giàu lại đang thực hiện một việc khác

là tạo ra sự đói nghèo bằng không ít các chính sách bảo hộ, như quy định giá cả cố định thấp đối với nông sản và nguyên liệu xuất xứ từ các nước nghèo, ưu đãi thuế quan cho các nguồn vốn từ các nước nghèo hơn vào các nước giàu nhằm thu hút đầu tư mà thực chất là rút ruột các nguồn vốn đã quá ít ỏi của các nước nghèo, v.v.. Vô hình trung, những việc làm này càng làm cho các nước nghèo ngày một khó khăn hơn, trở nên nghèo hơn và phụ thuộc vào các nước giàu nhiều hơn. Sự thật là, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá hiện nay, các nước nghèo và con người ở đó vẫn đang phải đối diện với không ít những sự đe dọa và thách thức, đang chưa đủ sức để thoát ra khỏi vòng khó khăn, đang chứng kiến không chỉ những cơ hội thực sự thuận lợi và những điều tốt lành, mà còn đối diện với cả những thách thức, những nguy cơ và hiểm hoạ, cả những bi kịch lẫn những sự bất công ghê gớm trong xã hội. Không thể khắc phục tình trạng này bằng khoa học kỹ thuật hay bằng công nghệ cao mà chỉ có thể giải quyết trên cơ sở đấu tranh xã hội, nghĩa là tiến hành cải tạo, biến đổi xã hội, biến đổi thế giới như C.Mác đã từng khẳng định.

Một điểm khác cũng rất rõ nét là, so với vài ba thập kỷ trước đây, có nhiều dấu hiệu và nhiều con số thống kê cho thấy, giới tự nhiên tỏ ra ngày càng khắc nghiệt hơn với con người, dường như giới tự nhiên đang trả thù lại sự lạm dụng, sự khai thác bừa bãi và sự tàn phá vô độ bằng kỹ thuật và những công cụ sản xuất hiện đại nhất của con người đối với nó. Môi trường sống ngày một xấu đi, các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày một cạn kiệt, nguồn nước nuôi sống con người đang có nguy cơ trở thành

(1) *Hunger and Poverty Fact*, p.1 (<http://www.worldhungeryear.org/hun-pov/default.asp>).

(2) Serageldin I. *World Poverty and Hunger*//Science Magazine 01.04.2002, p.3 (<http://www.foodsecurity.et/ewnitem.php3?id=1793&tewn+ewn>).

nguyên nhân của các cuộc xung đột giữa các quốc gia, các khu vực. Tiên đoán của C.Mác cách đây hơn một thế kỷ rằng, chủ nghĩa tư bản đang huỷ hoại hai cơ sở tồn tại của chính nó là con người và giới tự nhiên được thể hiện rõ trong kỷ nguyên toàn cầu hoá hiện nay.

Tuy nhiên, trên đây mới chỉ là một phần rất nhỏ trong số các vấn đề mà nhân loại đang phải đối diện, song chính chúng lại là những vấn đề mà triết học không thể không góp phần giải đáp và để giải đáp chúng cũng không thể không có triết học. Việc giải đáp và chỉ ra nguyên nhân của tình trạng mâu thuẫn, của những nghịch lý trên hoàn toàn nằm ngoài tầm chú ý và khả năng của kỹ thuật và công nghệ. Triết học và các khoa học xã hội có khả năng và có trách nhiệm phải giải đáp chúng.

Giải đáp những vấn đề đó chính là từng bước xác định thái độ, xác định cách nhìn về cuộc sống hôm nay và về cách thức hoạt động sinh sống của mỗi người trong những điều kiện và hoàn cảnh mới. Giải đáp những vấn đề tưởng như hết sức cao xa nhưng thực ra lại rất cốt yếu đối với con người, với "thân phận con người" đó chính là sứ mạng không thể thoái thác của triết học. Nói như I.Cantơ (1724-1804), triết học cần làm sáng tỏ những điều trước đây ta chưa thấy hết, đó là "những vấn đề liên quan thiết thân đến mọi người"; và mục đích tối hậu của triết học "không có gì khác hơn là toàn bộ vận mệnh của con người", bởi vì, suy đến cùng, "tất cả chỉ là vấn đề con người"(3), nghĩa là, *triết học phải giúp con người nhận ra địa vị của mình và cách sống sao cho xứng đáng với con người*.

Như vậy, sự mở mang tri thức nói chung, và tri thức triết học nói riêng, chính là điều kiện giúp cho con người tự giải đáp các vấn đề mà họ quan tâm, là cơ sở để hình thành thế giới quan khoa học. Song, việc giúp con người nhận thức chính xác về

bản thân mình và giải thích đúng đắn thế giới xung quanh mình mới chỉ là một mặt. Bởi vì, còn một mặt khác quan trọng hơn, mà triết học trước C.Mác chưa đặt ra và được C.Mác khẳng định, đó là triết học phải góp phần "*cải tạo thế giới*"(4). Điều đó có nghĩa rằng, những tri thức mà con người thu nhận được chỉ trở nên yếu tố cấu thành của thế giới quan đầy đủ và hoàn chỉnh khi nó đã hoà vào niềm tin, khi nó biến thành niềm tin, biến thành động cơ và đi vào hành động của con người, giúp con người xác định mục tiêu và lý tưởng sống, từ đó góp phần biến đổi hiện thực nhằm phục vụ con người.

Tương tự như vậy, con người cũng thường phải trả lời các câu hỏi khi tự mình hành động, chẳng hạn, làm sao để đạt được kết quả tốt nhất? Cách hành động như vậy là đúng hay là sai? Liệu bằng cách đó có thể tìm ra chân lý hay không? v.v.. Từ xưa đến nay, những tri thức triết học không chỉ giúp con người nâng cao năng lực nhận thức, mà còn giúp con người nâng cao năng lực hành động, bởi vì, như I.Cantơ nói, lý trí không chỉ là *năng lực nhận thức tốt nhất*, mà còn là *năng lực hướng dẫn hành động* của con người. Điều đó có nghĩa rằng, khi trả lời các vấn đề trên, triết học có vai trò *phương pháp luận* rất lớn. Chính triết học cung cấp cho con người các quan điểm, các nguyên tắc xuất phát và những phương pháp để tiến hành hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Trước I.Cantơ, R.Đêcátơ (1596-1650) cũng đã từng nói rất đúng rằng, "thà không đi tìm chân lý còn hơn là đi tìm nó mà không có phương pháp".

Chính trong thế giới đang toàn cầu hoá

(3) I.Cantơ. *Phê phán lý tính thuần túy*. Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải. Nxb Văn học, Hà Nội, 2004, tr. 1168, 1176.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.12.

với những mối liên hệ chằng chịt, đan xen nhiều chiều như hiện nay thì phương pháp nhận thức biện chứng duy vật giúp người ta nhìn nhận những gì đang diễn ra trong mọi lĩnh vực của thế giới đương đại, của đời sống xã hội một cách khách quan hơn, toàn diện và cụ thể hơn, tránh được sự chủ quan, phiến diện, cứng nhắc, giáo điều và đồng thời cũng tránh được cả sự thiếu nhất quán, chao đảo, ngả nghiêng từ thái cực này sang thái cực khác. Khi triết học giúp cho con người có được cái nhìn tổng quát, có cách lý giải đúng đắn về chiều hướng và về những biến động trên thế giới, về xã hội, về bản thân mình thì chính triết học đã giúp con người có được *sự định hướng đúng đắn trong hành động và củng cố sự quyết tâm hành động để hoàn thành mục tiêu đã đề ra với kết quả cao nhất*.

Đồng thời, toàn cầu hoá đang dẫn đến sự biến đổi mạnh mẽ về mọi mặt của thế giới, đang tạo ra những cơ hội cho các nước lạc hậu có thể nắm lấy để phát triển và hội nhập. Tuy nhiên, để nắm được những cơ hội ấy, và hơn thế nữa, để biến chúng thành hiện thực trong điều kiện mọi thứ đều đổi thay nhanh chóng thì cần có nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là biết thích ứng nhanh. Nguồn nhân lực ấy luôn phải đối diện với vô vàn các sự kiện, các tình huống phức tạp; các cách đánh giá khác nhau, thậm chí rất trái ngược nhau về bản chất, đặc trưng và khả năng mà toàn cầu hoá có thể mang lại; phải tìm cho được câu trả lời tốt nhất về những vấn đề đang được đặt ra trước đất nước mình. Nguồn nhân lực như vậy không tự nhiên mà có; hơn nữa, nó không chỉ cần có trình độ nghề nghiệp, có kiến thức chuyên môn hẹp vững vàng, mà còn phải được đào tạo, bồi dưỡng cả về thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan và phương pháp nhận thức. Nguồn nhân lực đó không chỉ phải có khả năng thích ứng nhanh với các tiến bộ

của khoa học và công nghệ, mà còn phải thích ứng nhanh với những biến động nhiều mặt của xã hội. Chính triết học sẽ giúp con người rèn luyện khả năng tư duy mềm dẻo, nhạy bén, vừa là để tự nhận thức bản thân mình, hiểu được cả những khả năng vốn có lẫn cả những hạn chế của mình để tự vươn lên, vừa là để nhận thức đúng đắn và chính xác hoàn cảnh khách quan và dự báo được những sự biến động nhanh chóng của xã hội.

Đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, triết học cũng có vai trò không nhỏ và nhiều mặt. Ở đây, chỉ xin nêu một vài điểm. Chẳng hạn, khi hoạch định các bước đi thích hợp cho một giai đoạn thì không thể không nhìn lại quá khứ, không thể không phân tích thế giới đương đại và nhất là không thể không dựa vào những dự báo về sự biến đổi nhanh chóng, nhiều mặt và đầy mâu thuẫn của kỷ nguyên toàn cầu hoá. Nhìn lại quá khứ chính là xem xét, phân tích các bài học kinh nghiệm, cả những kinh nghiệm thành công lẫn những kinh nghiệm không thành công, của nước ta cũng như của các nước khác.

Khác với việc rút kinh nghiệm thông thường, triết học vừa rút ra các bài học tổng quát hơn, chung hơn, sâu sắc hơn nhằm tìm ra *cái tất yếu* ở trong đó, tìm ra cái đóng vai trò chi phối toàn bộ quá trình, cái nhất thiết phải được thực hiện; vừa rút ra cái đặc thù, cái riêng của chúng ta, cái đặc thù của thời đại mà chúng ta đang sống để tránh áp dụng máy móc cách làm và bước đi của các nước khác, trong những điều kiện khác vào hoàn cảnh hiện tại của nước ta. Sự phân tích khách quan xu thế toàn cầu hoá hiện nay cho thấy một điều tất yếu đầu tiên, đó là *mọi quốc gia muốn phát triển thì đều phải mở cửa với thế giới, phải hội nhập với thế giới*. Các nước đang phát triển nếu tự tách mình ra, tự cô lập

mình với thế giới thì có nghĩa là tự đào sâu thêm khoảng cách với các nước phát triển và sẽ không bao giờ có thể tiến kịp họ.

Mặt khác, muốn thành công trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở kỷ nguyên toàn cầu hoá thì phải biết tiếp thu các giá trị mà nhân loại đã tích lũy từ trước cũng như các giá trị mới của thời đại, nhưng không được làm mất đi bản sắc dân tộc, không làm tổn hại các giá trị truyền thống quý báu. Chính ở điểm này, việc dựa vào triết học và các khoa học xã hội và nhân văn là vô cùng cần thiết, vì rằng, những kết luận do các khoa học này rút ra không chỉ là sự đúc kết các giá trị lịch sử, mà còn là sự đối chiếu, sự phân tích - so sánh với hiện tại. Trong toàn cầu hoá những giá trị nhân loại, giá trị xã hội, giá trị dân chủ toàn cầu và đoàn kết toàn cầu, giá trị sinh thái và đạo đức toàn cầu đã được khẳng định và không hề loại trừ giá trị dân tộc, giá trị giai cấp và giá trị cá nhân. Bài học về việc giữ gìn sự bền vững của gia đình có giá trị lớn đối với sự ổn định và lành mạnh của cả gia đình lẫn xã hội cùng những tác hại của sự phá vỡ gia đình trong quá trình công nghiệp hoá đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều nước, v.v. là một dẫn chứng sinh động về việc bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống phục vụ cho sự phát triển đất nước trong điều kiện mới.

Đồng thời, khi tiến hành công nghiệp hoá và hiện đại hoá trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, ngay từ đầu, chúng ta vừa phải quan tâm đến hiệu quả kinh tế, vừa phải tính toán, càng cụ thể càng tốt, đến hậu quả sinh thái và nhất là các hậu quả xã hội do quá trình đó gây nên. Cần phải làm sao cho hiệu quả kinh tế không làm triệt tiêu hiệu quả xã hội, và hơn nữa, cần cố gắng giảm đến mức thấp nhất các hậu quả xã hội có thể có. Dù rằng rất khó tính trước

được tất cả các hậu quả này, nhưng có khó đến đâu chăng nữa thì chúng ta vẫn cần phải chủ động làm việc đó, bởi nếu không làm rất có thể cái giá phải trả sẽ rất đắt.

Nói cách khác, để công nghiệp hoá và hiện đại hoá nước nhà trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, cần có cách tiếp cận triết học chứ không chỉ dừng lại ở cách tiếp cận kinh tế hay kỹ thuật đơn thuần. Không nên nghĩ rằng, cứ có kinh tế tăng trưởng cao, cứ làm cho đất nước giàu có lên mạnh mẽ và nhanh chóng thì tự khắc các vấn đề xã hội, nhất là các tệ nạn xã hội, sẽ tự động mất đi và mọi người sẽ tốt hơn. Phó mặc cho kinh tế mà không quan tâm đến mặt xã hội, không chú ý bảo tồn các giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của dân tộc thì không chỉ những giá trị truyền thống bị đe dọa, mà ngay cả cuộc sống bình thường của từng con người, của từng gia đình và của toàn thể xã hội cả trong thời điểm hiện tại lẫn trong tương lai cũng đều bị ảnh hưởng.

Như vậy, cũng như trong quá khứ, trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, triết học không mất chỗ đứng của nó dù là trong phạm vi một dân tộc hay trên bình diện nhân loại. Triết học không chỉ giúp con người có được cách nhìn nhận đúng đắn thế giới, mà còn giúp con người có được khả năng đánh giá những biến động đang diễn ra, gợi mở cách đi, hướng giải quyết các vấn đề mà cuộc sống đặt ra liên quan đến từng cá nhân cũng như đến toàn xã hội và trong quan hệ với thiên nhiên. Triết học vạch ra những nghịch lý mà con người đang phải đối diện trong bối cảnh toàn cầu hoá, đồng thời cũng góp phần chỉ ra lối thoát khỏi những nghịch lý ấy. Nó vẫn vừa thực hiện chức năng giải thích thế giới và vừa góp phần biến đổi thế giới hướng tới mục tiêu tất cả là vì con người và hạnh phúc của con người trong kỷ nguyên toàn cầu hoá. □